

Bản án số: 127/2026/HS-ST
Ngày 28 - 7 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THANH HÓA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thuyền;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Định;
Ông Nguyễn Hữu Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 4, tỉnh Thanh Hóa.

Xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 114/2026/TLST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2026, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1039/2026/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Lê Văn T. (Giới tính: Nam) - Sinh năm 1999.

Số CCCD: 038xxx354.

Nơi ĐKTT: Tổ dân phố M, phường N, tỉnh Thanh Hóa.

Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Lê Văn H, (đã chết) và Bà Dư Thị H; bị cáo T là con đầu trong gia đình; Vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không.

Tiền án: - Ngày 23/11/2021 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1), tỉnh Thanh Hóa xử phạt 07 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản";

- Ngày 04/4/2022 bị Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4), tỉnh Thanh Hóa, xử phạt 24 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", cộng với 07 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" của Bản án số 22/2021/HS-ST ngày 23/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1), tỉnh Thanh Hóa, tổng hợp hình phạt chung của 2 bản án là 31 tháng tù.

Nhân thân: - Ngày 04/02/2020 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 6 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/8/2020.

- Ngày 16/12/2025 Chủ tịch UBND phường N ra Quyết định quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú.

Bị cáo T tạm giữ ngày 11/4/2026 chuyển tạm giam ngày 17/4/2026, tại Phân trại tạm giam Thường Xuân, thuộc Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa.

2. Hoàng Quốc A, (Giới tính: Nam) – Sinh năm 1987.

Số CCCD: 038xxx869, BCA cấp.

Nơi ĐKTT: Phố H1, phường Q, tỉnh Thanh Hóa.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Hoàng Quốc D (đã chết) và bà Nguyễn Thị T1; Vợ: Nguyễn Thị L, (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2015.

Nhân thân: - Ngày 30/4/2014 bị Công an phường P1, thành phố Thanh Hóa, (nay là phường H), tỉnh Thanh Hóa xử phạt hành chính về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy";

- Ngày 13/12/2023 bị Công an thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt hành chính về hành vi "Cố ý gây thương tích"; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo A bị tạm giữ ngày 18/4/2026 chuyển tạm giam ngày 21/4/2026, tại Phân trại tạm giam Yên Định (cơ sở 1), thuộc Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. (Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Dư Thị H - sinh năm 1977. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường N, tỉnh Thanh Hóa.

2. Ông Hoàng Quốc T2 – sinh năm 1973. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 9 giờ 5 phút ngày 10/4/2026 Công an phường N, tỉnh Thanh Hóa kiểm tra việc chấp hành đối với Lê Văn T, sinh năm 1999, trú tại tổ dân phố (TDP) M, phường N, tỉnh Thanh Hóa là đối tượng thuộc diện quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú. Quá trình làm việc đã tiến hành lấy mẫu nước tiểu của Lê Văn T để kiểm tra, kết quả T dương tính với ma túy (MET) Methamphetamine. Tại Cơ quan Công an Lê Văn T xin đầu thú và khai báo toàn bộ hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của mình vào ngày 08/4/2026, Công an phường N, tỉnh Thanh Hóa tiến hành lập biên bản sự việc làm căn cứ để giải quyết và thực hiện Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Văn T, phát hiện thu giữ tại khu vườn phía sau nhà T gồm: 01 vỏ chai nhựa màu đỏ và dùng tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng cuộn tròn cắm qua lỗ đục của chai; 05 mảnh giấy bạc bên trên bám dính dầu vết bị đốt; 01 bật lửa màu hồng, 01 bật lửa màu xanh. Quá trình điều tra Lê Văn T khai báo nguồn gốc ma túy là vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 08/4/2026 mua của Hoàng Quốc A với giá 1.000.000 đồng mua được 07 viên hồng phiến, T đem số ma túy mua được mang về nhà sử dụng hết số ma túy đã mua của A.

Thực hiện Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Hoàng Quốc A, phát hiện thu giữ: 01 túi nilon màu tím than có dòng kẻ màu đỏ bên trong chứa 21 viên nén màu hồng hình tròn được gói trong giấy bạc màu trắng tại ngăn tủ kính trong phòng ngủ của nhà Hoàng Quốc A. Ngày 18/4/2026 Hoàng Quốc A đến Công an phường N, tỉnh Thanh Hóa xin được đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình là đã bán ma túy cho Lê Văn T, nhằm mục đích bán kiếm lời. Quá trình điều tra, Hoàng Quốc A tự giác giao nộp số tiền 1.000.000 đồng do bán ma túy cho Lê Văn T mà có

Tại Bản kết luận giám định số 1879/KL-KTHS ngày 13/4/2026 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận: 21 viên nén màu hồng hình tròn tại phong bì niêm phong, thu giữ khi khám xét nơi ở của Hoàng Quốc A có tổng khối lượng 2,328 gam loại Methamphetamine.

Tại Bản kết luận giám định số 2106/KL-KTHS ngày 29/4/2026 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận: Tìm thấy chất ma túy loại Methamphetamine bám bên trong chai nhựa, trên tờ tiền mệnh giá 2000 đồng và trên 5 mảnh giấy bạc và trên bật lửa màu hồng, bật lửa màu xanh dương của túi niêm phong gửi giám định không xác định được khối lượng chất ma túy bám dính.

Quá trình điều tra, xác định: Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên khoảng 20 giờ 30 phút ngày 08/4/2026, Lê Văn T mượn điện thoại di động của ông Hoàng Quốc T2, sinh năm 1973, ở TDP P, phường N có số 097xxx934 gọi đến số 097xxx014 của Hoàng Quốc A, sinh năm 1988 ở phố H1, phường Q, tỉnh Thanh Hóa hỏi mua 1.000.000 đồng ma túy "Hồng phiến". A đồng ý bán cho T 07 viên hồng phiến, cả hai thỏa thuận cách thức giao dịch: Ma túy được A gói bên ngoài bằng giấy vệ sinh màu trắng, để ngay cổng nhà A giáp đường đi, khi T đến lấy ma túy thì bỏ tiền lại vị trí đấy cho A ra lấy. Khi T đi đến nhà A thì thấy cửa cổng đóng, không thấy ai nên đi qua một đoạn rồi vòng xe lại, dừng trước cổng nhà A thì thấy ma túy để dưới nền bê tông trước cửa cổng. T ngồi trên xe cúi xuống nhặt lấy ma túy và để lại 1.000.000 đồng ở vị trí vừa lấy ma túy rồi điều khiển xe máy đi thẳng về nhà, T mở gói giấy bên trong có thêm lớp gói bằng giấy thiếc bạc và 07 viên nén ma túy "hồng phiến màu hồng", sau đó T tự chế tạo bộ dụng cụ sử dụng ma túy và một mình sử dụng hết số ma túy "hồng phiến" đã mua của A.

Về nguồn gốc ma túy của Hoàng Quốc A bán cho Lê Văn T và khám xét nơi ở của A đã thu giữ, Hoàng Quốc A khai báo: Sáng ngày 07/4/2026, A đi một mình đến khu vực Trạm bơm thuộc phố Q1, phường Q, tỉnh Thanh Hóa gặp một người lạ mặt hỏi mua được 28 viên ma túy dạng "hồng phiến" với giá 3.000.000 đồng. A đem toàn bộ ma túy về nhà cất giấu để bán kiếm lời. Đến ngày 08/4/2026, T hỏi mua nên A đã bán cho T 07 viên ma túy, còn lại 21 viên A cất giấu ở nhà đợi bán tiếp thì bị khám xét thu giữ.

Về vật chứng: Toàn bộ gói mở niêm phong và 19 viên nén màu hồng hình tròn qua giám định có tổng khối lượng là 2.098g Methamphetamine..Tất cả được đựng trong túi phong mã số PS3A 117220, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Lê Minh Tiến, Lại Thị Thanh Loan, Lê Văn Tuyên và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá; Toàn bộ bao gói mở niêm phong và 01 vỏ chai nhựa màu đỏ hiệu Sting không có nắp, thân chai được đục 01 lỗ; 01 tờ tiền mệnh giá 2000 đồng; 01 bật lửa màu hồng đã qua sử dụng; 01 bật lửa màu xanh đã qua sử dụng. Tất cả được đựng trong túi phong mã số PS2A 051718, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Lê Minh Tiến, Lý Trung Đại và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa và số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Các vật chứng nêu trên hiện đang quản lý tại kho vật chứng của Phòng thi hành án dân sự khu vực 4, tỉnh Thanh Hóa chờ xử lý vụ án.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung của Hoàng Quốc A, do A sử dụng để liên lạc bán ma túy cho Lê Văn T, quá trình trốn tránh khỏi địa

phương, do hết tiền tiêu nên A đã bán chiếc điện thoại di động cho một cửa hàng ở tỉnh Ninh Bình, A không rõ địa chỉ, sim điện thoại số 097xxx014 A cất dấu trong người nhưng đã bị rơi mất từ lúc nào A không rõ. Do đó Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Trong vụ án này: Đối với người đàn ông bán ma túy cho Hoàng Quốc A vào ngày 07/4/2026 tại khu vực Trạm bơm thuộc phố Q1, phường Q, tỉnh Thanh Hóa. Cơ quan điều tra đã áp dụng các biện pháp điều tra xác minh làm rõ, để xử lý trong vụ án nhưng đến nay vẫn chưa xác định được. Do đó, Cơ quan điều tra tách tài liệu liên quan để tiếp tục xác minh làm rõ, nếu có đủ căn cứ thì xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Đối với chiếc xe máy mà Lê Văn T sử dụng đi mua ma túy, quá trình điều tra xác định chiếc xe máy này là của bà Dư Thị H (là mẹ đẻ của Tình). Khi T lấy xe đi bà H không biết T đi mua ma túy. Do đó Cơ quan điều tra không thu giữ chiếc xe máy này. Đối với việc T mượn điện thoại của ông Hoàng Quốc T2 (là bạn của mẹ Tình). Quá trình điều tra xác định ông T2 không biết T gọi điện thoại để mua ma túy nên Cơ quan chức năng không thu giữ.

Cáo trạng số: 63/CTr-VKSTH-KV ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, tỉnh Thanh Hóa truy tố đối với Hoàng Quốc A, về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy", theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; Lê Văn T, về tội: "Sử dụng trái phép chất ma túy", theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh và các điều luật áp dụng đối với các bị cáo như Bản Cáo trạng đã nêu. Đề nghị xử phạt Hoàng Quốc A, mức án từ 42 tháng tù đến 48 tháng tù; Lê Văn T, mức án từ 30 tháng tù đến 33 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX tuyên tịch thu tiêu hủy các vật chứng do các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Trong đó số ma túy còn lại sau giám định và 01 vỏ chai nhựa màu đỏ; 01 bật lửa màu hồng; 01 bật lửa màu xanh không còn giá trị sử dụng;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 tờ tiền mệnh giá 2000 đồng. (Hai nghìn đồng). Các vật chứng được mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng số 112/BBVC 2026 ngày 29/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

Về biện pháp tư pháp: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), do bị cáo A phạm tội mà có theo phản ánh tại Giấy nộp tiền ngày 29/6/2026 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Về án phí: Bị cáo T và A bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo A là lao động tự do nguồn thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Trong phần tranh luận các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, trong lời nói sau cùng các bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức án thấp nhất để các bị cáo sớm có điều kiện trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án không ai khiếu nại quyết định, hành vi Tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

[2]. *Về căn cứ kết tội*: Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 08/4/2026, Lê Văn T đến nhà Hoàng Quốc A, tại Tổ dân phố H1, phường Q, tỉnh Thanh Hóa mua 1.000.000 đồng được 07 viên nén hồng phiến mang về dụng.

Thực hiện Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Hoàng Quốc A, phát hiện thu giữ 01 túi nilon màu tím than, có dòng kẻ màu đỏ, bên trong chứa 21 viên nén màu hồng hình tròn được gói trong giấy bạc màu trắng tại ngăn tủ kính trong phòng ngủ của Hoàng Quốc A. Quá trình giải quyết vụ án A khai nhận mục đích bán ma túy cho T nhằm kiếm lời và A tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 1.000.000 đồng do bán ma túy cho Lê Văn T mà có. Qua giám định 21 viên nén màu hồng hình tròn thu giữ của A có tổng khối lượng 2,328 gam loại Methamphetamine.

Do đó, Cáo trạng số: 63/CTr-VKSTH-KV ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, tỉnh Thanh Hóa truy tố đối với Hoàng Quốc A, về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy", theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự và Lê Văn T, về tội: "Sử dụng trái phép chất ma túy", theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a Bộ luật hình sự, là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác trong vụ án.

[3]. *Xét tính chất vụ án*: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Việc mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy là hoàn toàn không có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, là có ý trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Ma túy là mối đe dọa đến sự phát triển lành mạnh của nòi giống, ảnh hưởng đến sức khỏe của con người, làm sứt mẻ và ảnh hưởng đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Quá trình thực hiện hành vi các bị cáo nhận thức được pháp luật, nhưng vì đã sử dụng ma túy trong một thời gian dài nên bất chấp pháp luật nên cần phải xử lý nghiêm minh tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra để các bị cáo thấy được sự nghiêm minh của pháp luật.

[4]. *Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo thì thấy rằng*: Các bị cáo đều có nhân thân xấu như phần lý lịch của bị cáo đã phản ánh, bị cáo T còn chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội, không lấy đó là bài học kinh nghiệm để rèn luyện bản thân mà ngày càng lún sâu vào con đường phạm tội, các bị cáo đều đã sử dụng ma túy từ nhiều năm nay, không từ bỏ được ma túy điều đó chứng tỏ ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo là rất kém. Tuy nhiên, quá trình phạm tội các bị cáo đều ra đầu thú và khai báo thành khẩn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS nhưng bị cáo T phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS nên khi lượng hình cũng cần xem xét đánh giá khách quan về hậu quả và nhân thân đối với từng bị cáo khi quyết định hình phạt

và xét các tình tiết giảm nhẹ để xem xét giảm cho các bị cáo một phần hình phạt trong khung hình phạt do pháp luật quy định để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo nhưng việc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định là cần thiết mới đủ tác dụng giáo dục răn đe và phòng ngừa chung.

[5]. *Về hình phạt bổ sung*: Xét thấy bị cáo A là lao động tự do nguồn thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. *Về xử lý vật chứng và án phí*: Cần xem xét xử lý theo qui định của pháp luật *Vì các lẽ trên*;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo: - Hoàng Quốc A, phạm tội: "Mua bán trái phép chất ma túy", theo quy định tại khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 47; Điều 38 Bộ luật hình sự;

- Lê Văn T, phạm tội: "Sử dụng trái phép chất ma túy", theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 47; Điều 38; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

- Điều 61; 65; 331; 333; 106; 136 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: - Lê Văn T, 33 (Ba mươi ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 11/4/2026.

- Hoàng Quốc A, 48 (Bốn mươi tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 18/4/2026.

Về xử lý vật chứng: - Tịch thu tiêu hủy các vật chứng do các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Trong đó số ma túy còn lại sau giám định và 01 vỏ chai nhựa màu đỏ; 01 bật lửa màu hồng; 01 bật lửa màu xanh không còn giá trị sử dụng;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 tờ tiền mệnh giá 2000 đồng. (Hai nghìn đồng). Các vật chứng được mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng số 112/BBVC 2026 ngày 29/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

Về biện pháp tư pháp: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), do bị cáo A phạm tội mà có theo phản ánh tại Giấy nộp tiền ngày 29/6/2026 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Về án phí: Bị cáo Hoàng Quốc A và Lê Văn T, bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo toàn bộ bản án này và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dư Thị H, có quyền kháng cáo bản án này về phần liên quan của mình, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; ông Hoàng Quốc T2 có quyền kháng cáo bản án này về phần liên quan của mình, trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- VKSNDKV4, Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thuyên